**Phụ lục 3**

**KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THCS THPT PHAN CHÂU TRINH** **TỔ:GDCD-CÔNG NGHỆ-AN-MT**Họ và tên giáo viên: VÕ THỊ XUÂN THỦY | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: CÔNG NGHỆ LỚP 7**

(Năm học 2021 - 2022)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học/Chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt****(Theo chuẩn kiển thức, kỹ năng)** | **Hướng dẫn thực hiện****(dạy học trên lớp/phòng học bộ môn/Phòng thí nghiệm/kết hợp dạy học trên lớp với hướng dẫn tự học ở nhà…)****Trong thời gian nào?** | **Tuần chuyên môn** |
| 1 | Bài 1: Vai trò, nhiệm vụ của trồng trọt | 1 | Kiến thức:- Biết được vai trò của trồng trọt.- Biết được nhiệm vụ của trồng trọt hiện nay.- Biết được một số biện pháp thực hiện nhiệm vụ của trồng trọt. | Dạy học trên lớp | 1 |
| 2 | Bài 2: Khái niệm về đất trồng và thành phần của đất trồng | 1 | Kiến thức:- Biết được đất trồng là gì.- Biết được vai trò, các thành phần của đất trồng. | Dạy học trên lớp | 1 |
| 3 | Bài 3: Một số tính chất chính của đất trồng | 1 | Kiến thức:- Biết được thành phần cơ giới của đất là gì.- Biết được thế nào là đất chua, kiềm và đất trung tính.- Biết được khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của đất.- Biết được thế nào là độ phì nhiêu của đất. | Dạy học trên lớp | 2 |
| 4 | Bài 4: Thực hành: Xác định thành phần cơ giới của đất bằng phương pháp đơn giản | 1 | Kĩ năng:* Kĩ năng vê tay
* Kĩ năng sử dụng các dụng cụ thí nghiệm
 | Dạy phòng học bộ môn | 2 |
| 5 | Bài 5: Thực hành: Xác định độ PH của đất bằng phương pháp so màu | 1 | Kĩ năng sử dụng các dụng cụ thí nghiệm | Dạy phòng học bộ môn | 3 |
| 6 | Bài 6: Biện pháp sử dụng, cải tạo, bảo vệ đất | 1 | Hiểu được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp sử dụng, cải tạo, bảo vệ đất | Dạy học trên lớp | 3 |
| 7 | Chủ đề : Phân bón | 3 | Kiến thức: Biết được một số loại phân bón và tác dụng của chúng đối với cây trồng.Biết được các cách bón phân và sử dụng, bảo quảnKĩ năngNhận biết được một số loại phân bón vô cơ thường dùng.Thái độCó ý thức tiết kiệm, tận dụng các loại phân bón và bảo vệ môi trường | Dạy học trên lớpNội dung gồm các bài: bài 7, bài 8, bài 9.Mục II.2 bài 8. Phân biệt trong nhóm phân bón hòa tan: Không dạy | 4,5 |
| 8 | Bài 10: Vai trò của giống và phương pháp chọn giống cây trồng | 1 | Kiến thức:Biết được vai trò và các tiêu chí của giống cây trồng tốt.Biết được một số phương pháp chọn giống, quy trình sản xuất giống và cách bảo quản hạt giống cây trồngKĩ năng:- Phân biệt được sản xuất giống cây trồng và chọn lọc giống cây trồng và lấy được ví dụ minh hoạ.  | Mục III.4. Phương pháp nuôi cấy mô: Khuyến khích học sinh tự đọc | 5 |
| 9 | Bài 11: Sản xuất và bảo quản giống cây trồng | 1 | Thái độ:Có ý thức bảo vệ giống cây trồng | Dạy học trên lớp | 6 |
| 10 | Chủ đề: Sâu, bệnh hại cây trồng | 3 | Kiến thức:Biết được khái niệm, tác hại của sâu, bệnh hại cây trồng.Hiểu được các nguyên tắc, nội dung của một số biện pháp hại trừ sâu bệnh.Kĩ năng:Nhận dạng được một số dạng thuốc và đọc được nhãn hiệu của thuốc trừ sâu, bệnh.Thái độ:Có ý thức thực hiện an toàn lao động và bảo vệ môi trường. | Dạy học trên lớpNội dung gồm các bài: bài 12, bài 13, bài 14.Mục II.2. bài 14: Quan sát một số dạng thuốc: Không dạy | 6,7 |
| 11 | Ôn tập  | 1 | Học sinh hệ thống lại được các kiến thức từ bài 1 đến bài 14 | Dạy học trên lớp | 8 |
| 12 | Kiểm tra 1 tiết | 1 | Học sinh vận dụng được kiến thức từ bài 1 đến bài 14 để làm bài kiểm tra. | Dạy học trên lớp | 9 |
| 13 | Bài 15: Làm đất và bón phân lót | 1 | Kiến thứcHiểu được cơ sở khoa học, ý nghĩa thực tế của quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường trong trồng trọt. | Dạy học trên lớp | 10 |
| 14 | Bài 16: Gieo trồng cây nông nghiệp | 1 | Kiến thức:Biết được khái niệm về thời vụ, những căn cứ để xác định thời vụ, mục đích kiểm tra, xử lí hạt giống. | Dạy học trên lớpBài 17: Thực hành xử lí hạt giống bằng nước ấm: Cả bài hướng dẫn học sinh tự học | 11 |
| 15 | Bài 18: Thực hành: Xác định sức nảy mầm của hạt giống. | 1 | Kĩ năng:Làm được các công việc xác định sức nảy mầm, tỉ lệ nảy mầm và xử lí hạt giống bằng nước. | Dạy phòng học bộ môn | 12 |
| 16 | Bài 19: Các biện pháp chăm sóc cây trồng | 1 | Kiến thức:Biết được mục đích và nội dung của các biện pháp chăm sóc cây trồng  | Dạy học trên lớp | 13 |
| 17 | Bài 20: Thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản | 1 | Kiến thức:Biết được mục đích và yêu cầu của các phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản  | Dạy học trên lớp | 14 |
| 18 | Bài 21: Luân canh, xen canh, tăng vụ | 1 | Kiến thức:Biết được khái niệm, tác dụng của phương thức luân canh, xen canh, tăng vụ. | Dạy học trên lớp | 15 |
| 19 | Bài 30: Vai trò và nhiệm vụ phát triển chăn nuôi | 1 | Kiến thức:Biết được vai trò và nhiệm vụ phát triển chăn nuôi | Dạy học trên lớp | 16 |
| 20 | Ôn tập | 1 | Học sinh hệ thống được kiến thức học kì I | Dạy học trên lớp | 17 |
| 21 | **Kiểm tra học kì** | 1 | Học sinh vận dụng được kiến thức học kì I để làm bài kiểm tra. | Dạy học trên lớp | 18 |
| 22 | Bài 31: Giống vật nuôi | 1 | Kiến thức:Biết được khái niệm về giống, phân loại giống. | Dạy học trên lớpMục I.3. Điều kiện để được công nhận là một giống vật nuôi: Không dạy | 19 |
| 23 | Bài 32: Sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi | 1 | Kiến thức:Biết được sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi. | Dạy học trên lớpMục II. Đặc điểm sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi: Không dạy | 19 |
| 24 | Bài 33: Một số phương pháp chọn lọc và quản lí vật nuôi | 1 | Kiến thức:Biết được một số phương pháp chọn lọc và quản lí vật nuôi. | Dạy học trên lớpMục III. Quản lí giống vật nuôi: Không dạy | 20 |
| 25 | Bài 34: Nhân giống vật nuôi | 1 | Kiến thức:Biết được phương pháp chọn phối và nhân giống thuần chủng vật nuôi. | Dạy học trên lớp | 20 |
| 26 | Chủ đề: Nhận biết một số giống vật nuôi | 2 | Kĩ năngNhận biết được một số giống gà, lợn qua quan sát ngoại hình | Dạy học trên lớpNội dung bao gồm các bài: Bài 35, bài 36.Bài 36 mục II bước 2: Đo một số chiều đo: Không dạy.Bài 35. Mục II. Bước 2. Đo một số chiều đo để chọn gà mái: Không dạy. | 21 |
| 27 | Bài 37: Thức ăn vật nuôi | 1 | Kiến thức:Biết được nguồn gốc và thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi. | Dạy học trên lớp | 22 |
| 28 | Bài 38: Vai trò của thức ăn đối với vật nuôi | 1 | Kiến thức:Biết được vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi. | Dạy học trên lớp | 22 |
| 29 | Bài 39: Chế biến và dự trữ thức ăn cho vật nuôi | 1 | Kiến thức:Biết được mục đích, phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn cho vật nuôi | Dạy học trên lớp | 23 |
| 30 | Bài 40: Sản xuất thức ăn vật nuôi | 1 | Kiến thức:Biết được một số phương pháp sản xuất các loại thức ăn vật nuôi. | Dạy học trên lớpBài 41: Cả bài hướng dẫn học sinh tự học | 23 |
| 31 | Bài 42: Thực hành chế biến thức ăn giàu gluxit bằng men | 1 | Kĩ năng:Chế biến được thức ăn giàu gluxit cho vật nuôi bằng men. | Dạy phòng học bộ mônCả bài lựa chọn một loại thức ăn vật nuôi phù hợp ở địa phương để thay thế | 24 |
| 32 | Bài 43: Thực hành đánh giá chất lượng thức ăn vật nuôi chế biến bằng phương pháp vi sinh vật |  | Kĩ năng:Biết cách đánh giá chất lượng của thức ăn ủ xanh hoặc thức ăn ủ men, rượu. | Dạy phòng học bộ mônSử dụng loại thức ăn đã lựa chọn chế biến ở bài 42 để thực hành đánh giá chất lượng | 24 |
| 33 | Ôn tập | 1 | Học sinh hệ thống được kiến thức từ bài 30 đến bài 43 | Dạy học trên lớp. | 25 |
| 34 | Kiểm tra | 1 | Vận dụng được các kiến thức đã học để làm bài tập | Dạy học trên lớp. | 25 |
| 35 | Bài 44: Chuồng nuôi và vệ sinh trong chăn nuôi | 1 | Kiến thức:Biết được vai trò của chuồng nuôi và vệ sinh bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | Dạy học trên lớp. | 26 |
| 36 | Bài 45: Nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi | 1 | Kiến thức:Biết được một số biện pháp kĩ thuật trong chăn nuôi vật nuôi con, vật nuôi cái sinh sản | Dạy học trên lớp.Mục II. Chăn nuôi vật nuôi giống đực: Không dạy | 26 |
| 37 | Bài 46: Phòng, trị bệnh thông thường cho vật nuôi | 1 | Kiến thức:Biết được nguyên nhân gây bệnh, biết cách phòng, trị bệnh cho vật nuôi | Dạy học trên lớp. | 27 |
| 38 | Bài 47: Vắc xin phòng bệnh cho vật nuôi | 1 | Kiến thức:Biết được tác dụng và cách sử dụng vắc xin phòng bệnh cho vật nuôi.Thái độ: Có ý thức bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | Dạy học trên lớp.Bài 48: Cả bài khuyến khích học sinh tự học, tự làm. | 28 |
| 39 | Bài 49: Vai trò, nhiệm vụ của nuôi thủy sản | 1 | Kiến thức:Biết được vai trò của nuôi thủy sản trong nền kinh tế và đời sống xã hội.Biết được một số nhiệm vụ chính của nuôi thủy sản. | Dạy học trên lớp. | 29 |
| 40 | Bài 50: Môi trường nuôi thủy sản | 1 | Kiến thức:Biết được đặc điểm của nước nuôi thủy sảnBiết được một số tính chất của nước nuôi thủy sản.Biết cách tạo nước nuôi thủy sản và đất đáy ao. | Dạy học trên lớp. | 30 |
| 41 | Bài 52: Thức ăn của động vật thủy sản | 1 | Kiến thức:Biết được thức ăn của tôm cá gồm những loại nàoBiết được mối quan hệ về thức ăn. | Dạy học trên lớp. | 31 |
| 42 | Chủ đề: Thực hành | 1 | Kĩ năng:Xác định được nhiệt độ, độ trong và độ pH của nước nuôi thủy sản.Nhận biết được một số loại thức ăn chủ yếu của tôm cá.Phân biệt được thức ăn nhân tạo và thức ăn tự nhiên. | Dạy phòng học bộ mônNội dung gồm các bài: Bài 51, bài 53 | 32 |
| 43 | Chủ đề: Quy trình sản xuất thủy sản | 1 | Kiến thức:Biết được kĩ thuật chăm sóc, quản lí và phòng trị bệnh cho tôm cá.Biết được các phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm thủy sản. | Dạy học trên lớp.Nội dung gồm các bài: Bài 54, bài 55 | 33 |
| 44 | Bài 56: Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản | 1 | Kiến thức:Biết được ý nghĩa và một số biện pháp bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản.Thái độ:Quan tâm bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản. | Dạy học trên lớp. | 34 |
| 45 | Kiểm tra học kì | 1 | Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập | Dạy học trên lớp. | 35 |
| Tổng | 50 |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHÊ DUYỆT*(Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu)* | **Tổ trưởng***(ký và ghi rõ họ, tên)* | **Giáo viên***(ký và ghi rõ họ, tên)**VÕ THỊ XUÂN THỦY* |